

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông

Ông Nguyễn Ngọc Triển

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị N**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc** (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Hải Q**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn - chị **Đào Thị N** trình bày: Chị kết hôn với anh **Lê Hải Q** ngày 17/5/2014, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu ở chung cùng gia đình anh **Q**. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 2 năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **Q** chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, có nhiều lần chị đã phải trả nợ thay cho anh **Q**, chị đã nhiều lần

khuyên bảo nhưng anh Q không nghe, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, trong lúc nóng giận anh Q cũng có đánh chị. Hai bên đã nhiều lần cho nhau cơ hội để cùng thay đổi nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Tháng 3 năm 2023, chị đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường để giải quyết nhưng do anh Q xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con nên chị đã rút đơn và Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi về chung sống với nhau được một thời gian, tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên chị đã về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân anh Q hiện nay đi làm ở đâu chị không biết, chị chỉ liên lạc cho anh Q qua zalo “Lê Hải Q” đăng nhập bằng số điện thoại 0338595312 và thông báo cho anh Q biết việc chị xin ly hôn anh Q nhưng anh Q không cho chị biết địa chỉ nơi làm việc và anh Q có nhắn cho chị N là sẽ không đến Tòa án làm việc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Huy N1 sinh ngày 07/12/2014 và Lê Phương Thảo M sinh ngày 07/5/2019. Hiện nay cháu N1 và cháu M đang ở cùng chị, ly hôn chị xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi. Hiện nay chị đang thuê nhà để mở quán ăn nên có thu nhập ổn định để nuôi các con.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hải Q đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Q vắng mặt nên không Tòa án không thể lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2024, ông Lê Văn H (là bố đẻ của anh Lê Hải Q) trình bày: Chị N kết hôn với anh Q năm 2014, sau đó về chung sống cùng gia đình ông. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào ông không biết vì ông đi làm ăn xa vắng nhà, ông chỉ biết chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02/2024 cho đến nay. Ông có đến nhà chị N để dàn xếp, động viên và chị N về chung sống đoàn tụ cùng anh Q được một thời gian thì vợ chồng anh chị lại sống ly thân, lý do vì sao ông không biết. Nay chị N xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, còn chị N kiên quyết ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh chị có hai con chung hiện nay đang ở cùng chị N. Nếu ly hôn, việc nuôi con chung là do anh chị tự quyết định, ông không có ý kiến gì. Về tài sản, công nợ: Anh chị có tài sản gì hay vay mượn tài sản gì của ai ông không biết. Hiện

nay anh Q đang đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Q vì anh Q không nói cho gia đình ông biết địa chỉ. Ông không rõ anh Q đi từ thời gian nào chỉ nhớ khi đó ông đang nằm viện. Gia đình ông có nhận được thông báo của Tòa án nhưng do anh Q không ở nhà nên không thông báo được cho anh Q.

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2024 UBND xã T cho biết: Chị Đào Thị N kết hôn với anh Lê Hải Q từ ngày 17/5/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở chung cùng gia đình anh Q. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết. Khoảng tháng 3 năm 2023 chị N đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết ly hôn nhưng sau đó chị lại rút đơn về đoàn tụ cùng anh Q và gia đình anh Q. Địa phương chỉ biết hiện nay chị N và anh Q không ở cùng nhau, từ khoảng tháng 5 năm 2024 cho đến nay chị N đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở. Địa phương không nghe thấy anh Q có biểu hiện gì về vi phạm pháp luật, còn việc anh chị cãi chửi nhau như thế nào thì địa phương không rõ vì không nhận được đơn từ gì của chị N đối với anh Q. Nay chị N xin ly hôn anh Q, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bản thân anh Lê Hải Q hiện nay có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Q hiện nay đi làm ăn xa thì thoảng mới về. Về con chung chị N, anh Q có hai con chung hiện nay đang ở cùng chị N, về điều kiện nuôi con của chị N và anh Q đều đi làm tự do và đều có đủ khả năng để nuôi con chung. Có việc ly hôn giữa anh chị quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo điều kiện ăn ở, học hành cho cháu. Về tài sản và công nợ: Chị N, anh Q có tài sản gì chung hay vay nợ gì ai thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N**, xử cho chị **N** được ly hôn anh **Q**. Về con chung giao cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung là **Lê Huy N1** sinh ngày 07/12/2014 và **Lê Phương Thảo M** sinh ngày 07/5/2019. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **N** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Đào Thị N** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh **Lê Hải Q**, anh **Q** có hộ khẩu thường trú tại **xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**. Mặc dù, có thông tin anh **Q** đang đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng anh **Q** và gia đình anh **Q** không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh **Q** nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường thụ lý vụ án và giải quyết theo thủ tục chung là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh **Lê Hải Q** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh **Q** không đến tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên toà đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh **Q** vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Q** theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân và gia đình: Chị **Đào Thị N** kết hôn với anh **Lê Hải Q** và có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2014 tại **UBND xã T** trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có được tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **Q** chơi bời dẫn đến nợ nần từ đó vợ chồng hay cãi chửi nhau. Từ tháng 3 năm 2024 anh chị mâu thuẫn căng thẳng, chị **N** đã có đơn xin ly hôn anh **Q** nhưng sau đó chị **N** đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ đến khoảng tháng 5/2024 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, chị **N** đưa hai con chung về nhà bố mẹ đẻ

ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh **Q**, bản thân anh **Q** không đến Tòa án làm việc, hoà giải tình cảm vợ chồng. Chị **N** đã thông báo qua điện thoại cho anh **Q** được biết, qua zalo vào ngày 08/7/2024 anh **Q** có nhắn tin lại cho chị **N** với nội dung là anh không đến Tòa án làm việc, chị **N** muốn làm như thế nào thì tự giải quyết một mình. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **N** và anh **Q** đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho chị **N** được ly hôn với anh **Q** là phù hợp.

Về phía anh **Q** là bị đơn Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, anh **Q** không cung cấp địa chỉ nơi làm việc của anh **Q** do vậy Tòa án đã xác định anh **Q** có tình dấu địa chỉ và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh **Q** để giải quyết theo thủ tục chung.

[4]. Về con chung: Chị **Đào Thị N** và anh **Lê Hải Q** có hai con chung là **Lê Huy N1** sinh ngày 07/12/2014 và **Lê Phương Thảo M** sinh ngày 07/5/2019, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị **N**. Xét điều kiện nuôi con của chị **N** hiện nay đang làm nghề bán hàng ăn nên có thu nhập và có điều kiện về kinh tế để nuôi các con, bản thân anh **Q** do không có quan điểm về việc xin nuôi con. Mặt khác nguyện vọng của cháu **N1** xin được tiếp tục ở với mẹ. Do vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung là trẻ chưa thành niên, cần giao cho chị **Đào Thị N** được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung là phù hợp với các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chị **N** tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị **N** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày

05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị **Đào Thị N** được ly hôn với anh **Lê Hải Q**;

Về con chung: Giao cho chị **Đào Thị N** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là **Lê Huy N1** sinh ngày 07/12/2014 và **Lê Phương Thảo M** sinh ngày 07/5/2019 (Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị **N**). Chị **N** tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị **Đào Thị N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Đào Thị N** phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004881 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị **N** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải